

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 03/2019/DS-ST
Ngày 24-5-2019
V/v xin ly hôn, yêu cầu nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN H, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Mạnh Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Trường Sơn

Ông Đinh Văn Khoan

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Kim Tấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hà Xuân Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2019 về vụ xin ly hôn, yêu cầu nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị G, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn S 2, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Đinh Văn M, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn S 2, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Dương Thị G trình bày:

Chị Dương Thị G và anh Đinh Văn M chung sống với nhau từ năm 2000, có được tự do tìm hiểu, được tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, nhưng không có đăng ký kết hôn. Khi mới chung sống với nhau hai người sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì; năm 2014 giữa anh chị mới phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đinh Văn M hay đi uống rượu say về chửi, mắng, đánh đập vợ con không tu trí làm ăn; anh Đinh Văn M còn có quan

hệ với người phụ nữ khác và đuổi chị G ra khỏi nhà. Nay chị Dương Thị G xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị G đề nghị được ly hôn với anh Đinh Văn M.

Về con chung: Chị Dương Thị G và anh Đinh Văn M có 01 con chung tên là Đinh Quang C, sinh ngày 18/3/2003. Khi ly hôn chị Dương Thị G đồng ý để anh Đinh Văn M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đinh Quang C đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi, chị G không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Đinh Văn M có đơn xin xét xử vắng mặt, tại biên bản lấy lời khai ngày 25/4/2019 anh Đinh Văn M có ý kiến trình bày anh và chị G chung sống với nhau từ năm 2000, có tìm hiểu và tổ chức cưới theo phong tục tập quán, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi về chung sống với nhau hai người sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì. Đến năm 2014 chị Dương Thị G đi làm công nhân ở Công ty không về nhà và không quan tâm đến chồng con. Nay chị G yêu cầu ly hôn anh M, anh M cũng đồng ý ly hôn; vì xác định tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Anh M thừa nhận, anh, chị có 01 con chung như chị G trình bày là đúng. Sau khi ly hôn anh M yêu cầu được nuôi con chung là cháu Đinh Quang C, sinh ngày 18/3/2003 đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, việc thụ lý vụ án và xác định quan hệ tranh chấp là đúng quy định của pháp luật và đúng thẩm quyền. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

[2] Về tình cảm: Chị Dương Thị G và anh Đinh Văn M tự nguyện chung sống với nhau và có tổ chức cưới, hỏi theo phong tục, tập quán từ năm 2000. Chị Dương Thị G và anh Đinh Văn M đều thừa nhận là hai người chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; Ngày 25/4/2019 Ủy ban nhân dân xã V xác nhận chị Dương Thị G và anh Đinh Văn M chung sống với nhau từ năm 2000, không có đăng ký kết hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị G xin ly hôn, anh M cũng đồng ý ly hôn; vì xác định tình cảm vợ chồng không còn. Giữa chị G và anh M sống chung như vợ chồng không có đăng ký kết hôn; nên việc chị G và anh M thuận tình ly hôn không được tòa án chấp nhận; trường hợp này Tòa án phải xử không công nhận chị G và anh M là vợ chồng.

[3] Về nội dung vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập trước ngày Luật này có hiệu lực pháp luật thì áp dụng pháp luật hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập để giải quyết. Vì vậy căn cứ: Điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội quy định: *“Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này (Luật hôn nhân và gia đình năm 2000) thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01/01/2003;...Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng”*. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ quy định trên và khoản 1 Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, không công nhận chị Dương Thị G và anh Đinh Văn M là vợ chồng.

[4] Về con chung: Chị G và anh M có 01 con chung tên là Đinh Quang C, sinh ngày 18/3/2003 chưa đủ 18 tuổi, hiện nay đang ở cùng với anh Đinh Văn M và anh M có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu C đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu chị Dương Thị G phải cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/4/2019 cháu Đinh Quang C có ý kiến và nguyện vọng được ở với bố sau khi bố mẹ ly hôn. Chị Dương Thị G cũng đồng ý để anh Đinh Văn M chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu C đến tuổi trưởng thành. Tại phiên tòa hôm nay anh Đinh Văn M vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử không ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị G và anh M về việc nuôi con mà sẽ xử cho giao cháu Đinh Quang C cho anh Đinh Văn M chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của các bên.

[5] Về tài sản chung: Không có.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[8] Phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân huyện B về quan điểm giải quyết vụ án như sau: Về tố tụng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các bên đương sự chấp hành đúng quy định khi được Tòa án triệu tập. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định của pháp luật không công nhận chị Dương Thị G và anh Đinh Văn M là vợ chồng. Ghi nhận sự thỏa thuận về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Nguyên đơn chị Dương Thị G phải chịu án phí theo quy định.

[9] Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 131; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; khoản 1 Điều 11; Điều 17 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Dương Thị G và anh Đinh Văn M là vợ chồng.

2. Về con chung: Xử giao cháu Đinh Quang C sinh ngày 18/3/2003 cho anh Đinh Văn M nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Dương Thị G không phải cấp dưỡng nuôi con, chị G có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Dương Thị G phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm đề sung vào công quỹ Nhà nước; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn theo biên lai thu số AA/2015/0000141 ngày 27/3/2019. Chị Dương Thị G đã nộp đủ.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn. Tòa báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện B; tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THA huyện B; tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Mạnh Đức